



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯU**

# Tạp chí **KHOA HỌC** **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯU**

ISSN 2615 - 9538

HOA LU UNIVERSITY  
JOURNAL OF SCIENCE

**05**

T.6  
2025



**TẠP CHÍ KHOA HỌC SỐ 05, THÁNG 6 NĂM 2025**

**ISSN 2615 – 9538**

**HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

TS. Vũ Văn Trường

**TỔNG BIÊN TẬP**

TS. Dương Trọng Luyện

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**

TS. Tạ Hoàng Minh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

TS. Nguyễn Toàn Thắng

TS. Bùi Văn Mạnh

TS. Nguyễn Mạnh Quỳnh

PGS.TS. Lê Xuân Giang

TS. Lâm Văn Năng

TS. Lê Thị Tâm

TS. Đoàn Sỹ Tuấn

**BAN THƯ KÝ**

ThS. Phạm Văn Cường

TS. Phạm Đức Thuận

ThS. Trương Ngọc Dương

ThS. Nguyễn Thị Lệ Thu

**TÒA SOẠN**

Trường Đại học Hoa Lư

☞ Đường Xuân Thành – Thành phố Ninh Bình

☎ 02293 892 240

📞 0984 148 845

✉ tapchikhoahoc@hluv.edu.vn

🌐 <http://hluv.edu.vn/vi/tckh>

Giấy phép hoạt động báo chí số 07/GP-BTTTT ngày 07/01/2023

In 100 cuốn, khổ 19x27, tại Công ty TNHH TM&DV Hà Phương

Địa chỉ: 1032 Trần Hưng Đạo, phường Phúc Thành, TP. Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2025



Tạp chí

**KHOA  
HỌC**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

## LỜI NÓI ĐẦU

*Tạp chí khoa học Trường Đại học Hoa Lư là cơ quan ngôn luận chính thức của Trường Đại học Hoa Lư, có mã số chuẩn quốc tế ISSN 2615 - 9538, hoạt động theo Giấy phép số 07/GP-BTTTT ngày 07/01/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.*

*Là tạp chí đa ngành, đa lĩnh vực với mục đích phản ánh hoạt động giáo dục đào tạo, công bố các kết quả nghiên cứu về Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật và Công nghệ, Nông nghiệp, Khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, người học trong và ngoài trường, tuyên truyền phổ biến các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục và đào tạo, giới thiệu, trao đổi các kết quả nghiên cứu ứng dụng, thành tựu khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.*

*Hội đồng biên tập Tạp chí khoa học Trường Đại học Hoa Lư đã nhận được sự quan tâm của các tác giả trong và ngoài trường gửi bài về tạp chí. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các tác giả, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đã tích cực tham gia đóng góp cho sự phát triển của Tạp chí và mong muốn tiếp tục nhận được sự hợp tác, ủng hộ và những ý kiến đóng góp quý báu của Quý vị để Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hoa Lư có chất lượng ngày càng cao hơn.*

***Trân trọng giới thiệu đến quý bạn đọc Tạp chí khoa học số 05!***

**HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**



# TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

## MỤC LỤC

|    |                                                                                                                                                                            |     |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 1  | Đồng Thanh Tú - <i>Thảo luận lượng của tính từ trong tiếng Trung và hiện tượng lặp lại của nó</i>                                                                          | 5   |
| 2  | Vũ Thị Diệu Thúy - <i>Phát triển một số kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non</i>                                                  | 14  |
| 3  | Đinh Thị Hoa, Lê Hồng Phượng, Đinh Thành Công - <i>Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục thể thao của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình</i> | 27  |
| 4  | Lương Thị Tú, Phạm Thị Hồng Tâm, Đàm Thu Vân - <i>Hoạt động bang giao của nhà nước Đại Cồ Việt dưới thời Hoàng đế Lê Hoàn (980 - 1005)</i>                                 | 39  |
| 5  | Phan Tấn Được, Nguyễn Thị Thanh Nhi - <i>Giải pháp phát huy vai trò của tỉnh Vĩnh Long trong liên kết phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Cửu Long</i>                  | 47  |
| 6  | Mai Anh Tuấn - <i>Nhân học văn hóa trong nghiên cứu văn học Việt Nam: Những thành tựu và cơ hội</i>                                                                        | 61  |
| 7  | Nguyễn Mạnh Quỳnh (dịch) - <i>Chủ nghĩa cấu trúc và phê bình văn học - Gérard Genette</i>                                                                                  | 71  |
| 8  | Nguyễn Thị Huệ - <i>Danh nhân văn hóa Trương Hán Siêu trong đời sống văn hóa dân tộc</i>                                                                                   | 85  |
| 9  | Nguyễn Thị Huệ - <i>Sự đồng điệu giữa tư tưởng của đại tướng Võ Nguyên Giáp và phạm trù "Nhân" trong Nho giáo</i>                                                          | 94  |
| 10 | Hoàng Thị Thu Hằng - <i>Di sản Trương Hán Siêu trong phát triển du lịch tại Ninh Bình</i>                                                                                  | 102 |
| 11 | Vũ Thị Loan - <i>Công tác tham mưu xây dựng văn bản quản lý nội bộ tại Trường Đại học Hoa Lư - Thực trạng và giải pháp</i>                                                 | 110 |
| 12 | Phan Thị Hồng Duyên, Phạm Văn Cường - <i>Đảm bảo an ninh con người trong bối cảnh biến đổi khí hậu và khuyến nghị giải pháp ở Việt Nam hiện nay</i>                        | 117 |
| 13 | Nguyễn Tất Thắng - <i>Tối ưu hóa hiệu suất mạng với NIC TEAMING trong WINDOWS SERVER trên môi trường VMWARE</i>                                                            | 126 |





## PHÁT TRIỂN MỘT SỐ KỸ NĂNG GIÁO DỤC TRẺ CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

Vũ Thị Diệu Thúy<sup>1</sup>

Ngày nhận bài: 28/3/2025

Ngày chấp nhận đăng: 23/6/2025

**Tóm tắt:** Bài viết giới thiệu khái quát tính cấp thiết, phương pháp nghiên cứu, lý luận về kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt lứa tuổi mầm non; quy trình rèn luyện các kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non gồm: Kỹ năng nhận diện trẻ có nhu cầu đặc biệt, Kỹ năng tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật, Kỹ năng lập kế hoạch giáo dục cá nhân, Kỹ năng xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập, Kỹ năng lập kế hoạch giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt ở lớp mẫu giáo hòa nhập, Kỹ năng giao tiếp với trẻ có nhu cầu đặc biệt và Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của trẻ khiếm thính, trẻ khiếm thị; vai trò và ý nghĩa của việc phát triển một số kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

**Từ khóa:** Chương trình đào tạo, học phần, kỹ năng giáo dục trẻ, sinh viên, giáo dục mầm non, trẻ có nhu cầu đặc biệt.

### DEVELOPING SOME SKILLS IN EDUCATING CHILDREN WITH SPECIAL NEEDS FOR STUDENTS OF EARLY CHILDHOOD EDUCATION

**Abstract:** The article introduces the general urgency, research methods, and theories of skills in educating children with special needs at preschool age; the process of training skills in educating children with special needs for students majoring in Preschool Education, including: Skills in identifying children with special needs, Skills in understanding the needs and abilities of children with disabilities, Skills in developing individual education plans, Skills in building an inclusive educational environment, Skills in planning education for children with special needs in inclusive kindergartens, Skills in communicating with children with special needs, and Skills in using language for deaf and blind children; the role and significance of developing some skills in educating children with special needs for students majoring in Preschool Education.

**Keywords:** Training program, course, child education skills, students, preschool education, children with special needs

#### 1. Giới thiệu

Phát hiện sớm trẻ có nhu cầu đặc biệt để can thiệp, tác động giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ là một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành giáo dục, đặc biệt là ở bậc giáo dục mầm non (GDMN). Việc đào tạo giáo viên mầm non (GVMMN) có khả năng phát hiện sớm và hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt để điều chỉnh chương trình, môi trường và phương

<sup>1</sup>Tiến sĩ, Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Hoa Lư, Email: [vtdthuy@hluv.edu.vn](mailto:vtdthuy@hluv.edu.vn)



pháp giáo dục đáp ứng sự đa dạng của trẻ trong cùng một lớp học; nhận biết sớm những dấu hiệu bất thường về phát triển thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, hành vi... của trẻ để can thiệp kịp thời, đúng phương pháp, giúp trẻ cải thiện tình trạng khó khăn và phát triển tối đa năng lực tiềm ẩn, giảm thiểu nguy cơ bỏ sót trẻ khuyết tật hoặc phát hiện muộn; bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm, sự thấu cảm và lòng yêu nghề, tự tin hơn trong công tác giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt; nuôi dưỡng lòng nhân ái và tôn trọng sự khác biệt cho trẻ ngay từ nhỏ. Bên cạnh đó, giáo viên có thể giúp phụ huynh hiểu rõ về tình trạng của con mình để phối hợp chặt chẽ trong giáo dục và chăm sóc trẻ, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò và quyền lợi của trẻ khuyết tật, từng bước xóa bỏ kỳ thị và thúc đẩy xã hội hòa nhập.

Tình trạng trẻ mầm non có nhu cầu đặc biệt học hòa nhập có xu hướng gia tăng, đặt ra yêu cầu cấp bách trong việc nâng cao năng lực cho GVMN tương lai. Chương trình đào tạo GVMN hiện nay chưa dành nhiều thời lượng để trang bị kỹ năng giáo dục trẻ khuyết tật cho sinh viên nên phần lớn sinh viên chưa có đủ kỹ năng để làm việc hiệu quả với trẻ có nhu cầu đặc biệt trong môi trường hòa nhập. Trong khi đó, chính sách giáo dục và các văn bản pháp lý như Luật Người khuyết tật, Chiến lược phát triển giáo dục... đều nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của đội ngũ giáo viên trong việc bảo đảm quyền được học tập cho mọi trẻ em, trong đó có trẻ khuyết tật.

Do vậy, việc phát triển một số kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành GDMN là một trong những nhiệm vụ thiết yếu khi thực hiện Chương trình đào tạo ở trường đại học.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu:

- Phân tích – tổng hợp lí thuyết về giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt, phát triển kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành GDMN để tạo cơ sở lý luận.

- Hệ thống hóa, khái quát hoá lí thuyết về những vấn đề được xem là bản chất, cốt lõi nhằm xác định cơ sở để xây dựng khung lý thuyết làm tiền đề cho việc hình thành và phát triển các kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên.

- Tổng kết kinh nghiệm: Dùng lý luận khoa học để phân tích, đánh giá thực tiễn và nghiên cứu các giải pháp ưu việt hơn nhằm nâng cao hiệu quả phát triển kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.

### **2.2. Một số khái niệm liên quan**

- Khái niệm “Trẻ có nhu cầu đặc biệt”.

Có nhiều khái niệm về trẻ có nhu cầu đặc biệt. Theo UNESCO, trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt là những trẻ gặp khó khăn trong học tập do khuyết tật hoặc các yếu tố xã hội, cần được điều chỉnh chương trình giáo dục và hỗ trợ phù hợp để đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục bình đẳng [1]. Còn theo Đạo luật Giáo dục Người khuyết tật (IDEA) của Hoa Kỳ, trẻ có nhu cầu đặc biệt là những trẻ từ 3 đến 21 tuổi có một hay nhiều dạng khuyết tật, và cần được cung cấp các dịch vụ giáo dục đặc biệt để phát triển tối đa khả năng của mình [2]. Bộ Giáo dục & Đào tạo cho rằng trẻ có nhu cầu đặc biệt bao gồm cả trẻ khuyết tật và trẻ có hoàn cảnh sống đặc biệt khó khăn như mồ côi, bị bạo hành, bóc lột lao động hoặc sống trong môi trường không an toàn [3].

Như vậy, *trẻ có nhu cầu đặc biệt là những trẻ có sự khác biệt hoặc gặp khó khăn trong quá trình phát triển thể chất, trí tuệ, cảm xúc, hành vi hoặc trong hoàn cảnh sống, từ đó cần có sự hỗ trợ, can thiệp đặc biệt trong giáo dục và chăm sóc để phát triển toàn diện.*

- Kỹ năng giáo dục.





Theo quan điểm của UNESCO, kỹ năng giáo dục còn gắn liền với các năng lực cốt lõi trong thế kỷ XXI, bao gồm khả năng học để biết, học để làm, học để chung sống và học để tự khẳng định mình, từ đó cho thấy vai trò thiết yếu của kỹ năng giáo dục trong việc phát triển toàn diện con người [4]. Tác giả Nguyễn Ánh Tuyết cho rằng kỹ năng giáo dục là những hành động sư phạm mang tính chuyên biệt, được hình thành qua đào tạo và rèn luyện, giúp người giáo viên thực hiện hiệu quả quá trình giáo dục như định hướng hành vi, tạo ảnh hưởng tích cực đến học sinh và điều chỉnh các yếu tố giáo dục một cách linh hoạt và phù hợp [5].

Chúng tôi sử dụng khái niệm “kỹ năng giáo dục” theo tác giả Nguyễn Đức Quang: *Kỹ năng giáo dục là tập hợp những năng lực chuyên môn và nghiệp vụ mà người giáo viên hoặc người làm công tác giáo dục cần có để tổ chức, hướng dẫn, điều chỉnh và đánh giá hoạt động học tập và phát triển của người học. Các kỹ năng này bao gồm kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập, kỹ năng quản lý lớp học, kỹ năng đánh giá kết quả học tập và kỹ năng ứng xử với các tình huống sư phạm* [6].

Vận dụng các khái niệm trên và quan điểm của tác giả Lưu Thị Mỹ Hà [7], chúng tôi cho rằng: *Kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt của sinh viên ngành giáo dục mầm non là tổng hợp những năng lực chuyên môn và hành động sư phạm đặc thù mà sinh viên cần có để tổ chức, hỗ trợ và điều chỉnh hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển và nhu cầu riêng biệt của trẻ khuyết tật hoặc trẻ có hoàn cảnh đặc biệt.*

### **2.3. Một số kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt của sinh viên ngành Giáo dục mầm non**

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, việc đào tạo cần đảm bảo cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non tích lũy các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục hòa nhập. Các kỹ năng có thể được phân nhóm thành:

#### **2.3.1. Nhóm kỹ năng nhận thức**

Các kỹ năng nhận thức gồm: phân tích đặc điểm trẻ khuyết tật, đánh giá nhu cầu giáo dục đặc biệt, lựa chọn và thiết kế kế hoạch giáo dục cá nhân, cụ thể:

- Kỹ năng nhận diện trẻ có nhu cầu đặc biệt: Sinh viên thực hiện nhận diện các dấu hiệu của trẻ có nhu cầu đặc biệt ở lớp mẫu giáo hòa nhập qua việc quan sát, trao đổi với GVMN hoặc người chăm sóc trẻ...

- Kỹ năng tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật: Sinh viên kết hợp quan sát, phỏng vấn cha mẹ trẻ hoặc người chăm sóc, nhà chuyên môn... để đánh giá nhu cầu và khả năng của trẻ có nhu cầu đặc biệt [8].

- Kỹ năng lập kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP): Sinh viên thiết kế kế hoạch học tập cá nhân dựa trên nhu cầu và khả năng của trẻ có nhu cầu đặc biệt trong đó thể hiện rõ những đặc điểm chính của trẻ, mục tiêu giáo dục, thời gian thực hiện, các dịch vụ cần thiết, cách đánh giá, trách nhiệm của các bên liên quan [8].

#### **2.3.2. Nhóm kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập**

Nhóm này gồm kỹ năng thiết kế hoạt động học tập phù hợp với trẻ khuyết tật, tổ chức lớp học hòa nhập hiệu quả, điều chỉnh chương trình cho phù hợp với đối tượng trẻ. Đây là những kỹ năng gắn liền với chuẩn đầu ra về "năng lực tổ chức dạy học hòa nhập, đảm bảo sự tham gia và tiến bộ của mọi trẻ em". Cụ thể:

- Kỹ năng xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập: Sinh viên tạo môi trường an toàn và dễ tiếp cận cho trẻ qua việc vệ sinh sân nhà và các đồ dùng đồ chơi, sắp xếp lớp làm tăng tính quen thuộc, sử dụng những chỉ dẫn phù hợp với từng dạng tật; ứng xử bình đẳng và tôn trọng sự khác biệt của mỗi trẻ, đảm bảo cho trẻ được tham gia các hoạt động chăm sóc, giáo dục phù hợp với khả năng của trẻ [8].



- Kỹ năng lập kế hoạch giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt ở lớp mẫu giáo hòa nhập: Sinh viên lập kế hoạch và tổ chức một số hoạt động giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt ở lớp mẫu giáo hòa nhập trong đó xác định rõ dạng tật, mục đích cụ thể mà trẻ có nhu cầu đặc biệt cần đạt qua hoạt động đó; cách thức tác động, hướng dẫn trẻ có nhu cầu đặc biệt trong lớp mẫu giáo hòa nhập.

### *2.3.3. Nhóm kỹ năng giao tiếp và phối hợp*

Nhóm này gồm các kỹ năng giao tiếp hiệu quả với trẻ khuyết tật, cha mẹ trẻ và các bên liên quan như cán bộ y tế, chuyên gia trị liệu... trong đó quan trọng nhất là kỹ năng giao tiếp với trẻ. Sinh viên sử dụng linh hoạt ngôn ngữ nói, cử chỉ điệu bộ, ngôn ngữ ký hiệu... khi giao tiếp với trẻ; kiên nhẫn thực hiện quá trình giao tiếp rõ ràng, dễ hiểu với trẻ mầm non có nhu cầu đặc biệt theo cách giao tiếp và phản hồi của trẻ.

### *2.3.4. Nhóm kỹ năng phát triển đạo đức nghề nghiệp*

Nhóm này gồm các kỹ năng: nhận thức đúng đắn về quyền của người có nhu cầu đặc biệt, giữ thái độ tôn trọng sự khác biệt, thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong môi trường giáo dục hòa nhập.

## **2.4. Khái quát về học phần “Giáo dục hòa nhập” trong Chương trình đào tạo giáo viên mầm non**

Thực hiện *Quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật* do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 17/09/2007, ngay từ khoá đào tạo 2004 – 2007, Chương trình đào tạo ngành GDMN của Trường Đại học Hoa Lư (lúc đó là Trường CĐSP Ninh Bình) đã xây dựng và thực hiện học phần “Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật trong trường mầm non”. Từ năm 2022 đến nay, tên học phần chuyển thành “Giáo dục hòa nhập”. Đây là học phần trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bắt buộc với thời lượng là 2 tín chỉ.

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về trẻ khuyết tật và giáo dục hòa nhập; Tổ chức giáo dục hòa nhập; Hỗ trợ trẻ khiếm thính trong trường mầm non hòa nhập; Hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ trong trường mầm non hòa nhập; Hỗ trợ trẻ khiếm thị trong trường mầm non hòa nhập; Hỗ trợ các nhóm khuyết tật khác trong trường mầm non hòa nhập [9].

Học phần giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập: Trẻ có nhu cầu đặc biệt; các mô hình giáo dục trẻ khuyết tật; nhu cầu, khả năng của trẻ khuyết tật, quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật; khái niệm, nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện giáo dục hòa nhập; ảnh hưởng của tật đến sự phát triển của trẻ khuyết tật..., nhận biết được một số dạng khuyết tật từ đó có thể vận dụng các kiến thức đó để thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật trong trường mầm non.

Nội dung chi tiết học phần được thể hiện qua 6 chương trong đó chương 1 nói về những vấn đề cơ bản về trẻ khuyết tật và giáo dục hòa nhập; chương 2 khái quát các vấn đề về tổ chức giáo dục hòa nhập bao gồm: Xác định nhu cầu và khả năng đa dạng của trẻ, Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân, Tổ chức môi trường học tập, Điều chỉnh chương trình phù hợp với nhu cầu, Áp dụng các phương thức hỗ trợ trường mầm non và Phối hợp các lực lượng giáo dục. Bốn chương còn lại cụ thể hóa cách hỗ trợ trẻ khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật trí tuệ, khó khăn về ngôn ngữ, rối loạn hành vi và cảm xúc, khó khăn về học và khuyết tật vận động trong trường mầm non hòa nhập [9, tr.548-549].

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể đạt các chuẩn đầu ra như sau: CLO1. Diễn giải được những vấn đề cơ bản giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường mầm non; CLO2. Vận dụng kiến thức giáo dục hòa nhập để chỉ ra và giải thích được việc hỗ trợ trẻ khuyết tật trong trường mầm non; CLO3. Thể hiện được khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [9, tr.546].





Việc đánh giá năng lực học tập của sinh viên được thực hiện qua đánh giá thường xuyên gồm đánh giá ý thức học tập và kiểm tra viết; đánh giá giữa học phần và đánh giá kết thúc học phần [9].

Có thể nói, học phần *Giáo dục hoà nhập* đóng vai trò quan trọng để hình thành và phát triển các nhóm kỹ năng cốt lõi trong giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt, góp phần hiện thực hóa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

## **2.5. Phát triển một số kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non**

Sinh viên ngành GDMN chủ yếu là nữ trong độ tuổi từ 18 đến 22, phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp cần sự mềm mại, kiên nhẫn và yêu thương trẻ nhỏ [10]. Tuổi trẻ năng động, linh hoạt và động lực nghề nghiệp xuất phát từ tình yêu trẻ, mong muốn đóng góp vào sự phát triển của thế hệ tương lai, kỳ vọng về một công việc ổn định trong lĩnh vực công lập [11] giúp các em thuận lợi tiếp thu kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp. Được đào tạo bài bản, các em sẵn sàng để trở thành cô giáo dạy trẻ, là “bác sĩ” để chăm sóc, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ, là “nghệ sĩ” có thể múa, hát, kể chuyện – ngâm thơ diễn cảm, vẽ - nặn – cắt – xé dán... và đặc biệt là trở thành người mẹ thứ hai để chăm sóc, yêu thương trẻ. Tuy nhiên, sinh viên cũng phải đối mặt với nhiều thách thức trong tương lai như áp lực công việc cao, số lượng trẻ/lớp đông, thu nhập còn thấp so với công sức bỏ ra, và những kỳ vọng ngày càng cao từ phụ huynh và xã hội [12], ngay cả khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ cũng là rào cản khiến nhiều sinh viên gặp khó khăn khi mới vào nghề [13].

Do đó, khi thực hiện chương trình đào tạo, trường sư phạm cần chú trọng phát triển các kỹ năng nghề nghiệp, trong đó có kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt.

### **2.5.1. Cơ sở lý luận về phát triển kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non**

Việc phát triển kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành GDMN được tiếp cận từ ba nền tảng lý luận chính: khung năng lực giáo viên, lý thuyết phát triển kỹ năng sư phạm và lý thuyết kiến tạo xã hội.

Thứ nhất, khung năng lực giáo viên trong giáo dục hòa nhập được các tổ chức quốc tế như UNESCO và EASNIE xác lập như một định hướng cốt lõi trong đào tạo giáo viên. Theo EASNIE, giáo viên cần được trang bị ba nhóm năng lực bao gồm: năng lực chuyên môn về sự phát triển của trẻ và các dạng khuyết tật; năng lực sư phạm để thiết kế và điều chỉnh các hoạt động giáo dục phù hợp với sự đa dạng của trẻ; năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường giáo dục hòa nhập. Khung năng lực này là nền tảng để xác định các kỹ năng cụ thể mà sinh viên ngành Giáo dục Mầm non cần phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu của lớp học có trẻ khuyết tật [14].

Thứ hai, lý thuyết phát triển kỹ năng sư phạm, đặc biệt là lý thuyết của Shulman nhấn mạnh sự tích hợp giữa kiến thức chuyên môn, kiến thức sư phạm và kiến thức bối cảnh trong việc hình thành năng lực nghề nghiệp cho giáo viên. Theo đó, sinh viên không chỉ cần hiểu nội dung giáo dục cho trẻ có nhu cầu đặc biệt mà còn cần biết cách tổ chức hoạt động phù hợp và thích ứng với điều kiện thực tiễn tại cơ sở giáo dục mầm non [15]. Grossman, Hammerness và McDonald tiếp tục phát triển lý thuyết này bằng việc nhấn mạnh vai trò của thực hành lâm sàng, xử lý tình huống và phản hồi đồng đẳng trong việc hình thành kỹ năng sư phạm một cách bền vững [16].

Thứ ba, lý thuyết kiến tạo xã hội của Vygotsky cho rằng tri thức không được truyền thụ một chiều mà được kiến tạo thông qua tương tác xã hội và bối cảnh học tập. Đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, các hoạt động như thảo luận nhóm, thực hành tại hiện trường, mô phỏng tình huống và phản biện trong lớp học không chỉ giúp tích lũy tri thức mà còn thúc đẩy phát triển kỹ năng chuyên môn và nhân cách nghề nghiệp. Việc vận dụng các nguyên lý của kiến



tạo xã hội giúp tăng cường năng lực tư duy phản biện, hợp tác và giải quyết vấn đề – những phẩm chất thiết yếu trong giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt [17].

Ngoài ra, một số nghiên cứu gần đây cũng đã khẳng định vai trò của giáo viên trong giáo dục hòa nhập và sự cần thiết phải phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm. Florian và Black-Hawkins đề xuất mô hình “inclusive pedagogy”, nhấn mạnh đến việc thiết kế hoạt động học tập phù hợp với mọi trẻ em trong lớp, thay vì tách riêng trẻ khuyết tật ra khỏi tập thể [18]. Trong khi đó, Forlin và Sin cho rằng việc kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trong môi trường giáo dục hòa nhập là yếu tố then chốt giúp sinh viên hình thành thái độ tích cực và năng lực sư phạm cần thiết [19].

Có thể thấy rằng việc phát triển kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành GDMN không chỉ là một nhiệm vụ mang tính chuyên môn mà còn là định hướng chiến lược trong đào tạo giáo viên hiện đại, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu của giáo dục bao trùm và phát triển bền vững.

### *2.5.2. Quy trình phát triển một số kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non qua học phần “Giáo dục hoà nhập”*

#### *2.5.2.1. Chuẩn bị thực hiện phát triển kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non*

Trường Đại học Hoa Lư trang bị cho mỗi sinh viên 01 quyển Thông tin đào tạo, công bố bản mô tả Chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng thể về toàn bộ chương trình đào tạo, xác định rõ thông tin chi tiết của học phần và tài liệu học tập cần thiết để học tập tốt các học phần.

Đề cương chi tiết của học phần được đăng tải trên Website [hluv.edu.vn](http://hluv.edu.vn). Phần Kế hoạch dạy học trong đề cương chi tiết cụ thể hóa các nội dung trong từng tuần/buổi học.

Trước khi giảng dạy, giảng viên giới thiệu đến sinh viên mục tiêu học phần; vị trí và vai trò của học phần trong chương trình đào tạo của ngành; chuẩn đầu ra học phần, các hình thức kiểm tra đánh giá và trọng số của các bài đánh giá, nội dung các chương.... Từ đó SV có cái nhìn tổng thể về học phần và xác định được mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, phương pháp và hình thức đánh giá người học của học phần này.

#### *2.5.2.2. Thực hiện phát triển kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non*

Giảng dạy phần lý luận, giảng viên sử dụng đa dạng các phương pháp phát huy tính tích cực, chủ động nhận thức cho sinh viên trong việc học tập, nghiên cứu lý luận như: Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống (Thuyết trình, giảng giải minh họa, thực hành luyện tập,...) với các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực (nêu và giải quyết vấn đề,...), tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn vào thực tiễn. Giao nhiệm vụ học tập, nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho SV. Qua đó, sinh viên không chỉ chú ý nghe giảng mà còn tích cực tham gia thảo luận về các vấn đề SV quan tâm, thực hiện các bài tập được giao như tìm tài liệu hoặc tạo video về biểu hiện của trẻ có nhu cầu đặc biệt hoặc cách thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ các dạng tật khác nhau; thực hiện các phần thuyết trình... Sau mỗi buổi học, giảng viên giao nhiệm vụ tự học ở nhà cho sinh viên: Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trên lớp; tìm hiểu nội dung bài học ở buổi sau qua hệ thống câu hỏi/bài tập; nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung bài học...

Hướng dẫn phần thực hành, giảng viên giao nhiệm vụ thực hành cho sinh viên từ buổi học trước để sinh viên chuẩn bị, tập thể hiện các hoạt động thực hành ở nhà. Tại lớp học, trước khi thực hành, giảng viên cho sinh viên nêu mục đích buổi học, xác định rõ các tiêu chí đánh giá hoạt động thực hành, tổ chức cho các nhóm sinh viên thực hành, các nhóm khác quan sát, tổ



chức nhận xét và đánh giá hoạt động thực hành của mỗi nhóm/cá nhân, nêu ý tưởng thể hiện nội dung thực hành theo cách khác để phát triển năng lực sáng tạo, cụ thể:

*\* Phát triển kỹ năng nhận diện trẻ có nhu cầu đặc biệt*

Giảng viên tổ chức cho sinh viên thảo luận, xây dựng bảng đánh giá biểu hiện trẻ có nhu cầu đặc biệt tại Trường Đại học Hoa Lư; xác định cách thức thu thập thông tin, điền vào bảng đánh giá. Ví dụ:

### **BẢNG NHẬN DIỆN TRẺ CÓ HỘI CHỨNG GIẢM CHÚ Ý**

Tên trẻ:..... Trường:.....Lớp:.....

| <i>Biểu hiện</i>                                                                          | <i>Có</i> | <i>Không</i> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|
| Khó tập trung các vào các chi tiết, thường mắc lỗi                                        |           |              |
| Khó duy trì sự tập trung vào nhiệm vụ                                                     |           |              |
| Không chăm chú vào những điều người đối thoại đang nói, luôn không theo dõi các hướng dẫn |           |              |
| Không hoàn thành nhiệm vụ mà không phải hành vi chống đối                                 |           |              |
| Khó khăn khi tổ chức các nhiệm vụ và hoạt động                                            |           |              |
| Thường xuyên tránh hoạt động đòi hỏi phải duy trì nỗ lực trí tuệ                          |           |              |
| Hay làm mất mát, hư hỏng hoặc quên những thứ quan trọng                                   |           |              |
| dễ phân tán, dễ bị lôi cuốn bởi các yếu tố khác bên ngoài                                 |           |              |

### **BẢNG NHẬN DIỆN TRẺ CÓ HỘI CHỨNG TĂNG ĐỘNG**

Tên trẻ:..... Trường:.....Lớp:.....

| <i>Biểu hiện</i>                                                                            | <i>Có</i> | <i>Không</i> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|
| Hay cựa quậy chân tay hoặc cả người                                                         |           |              |
| Thường rời khỏi chỗ ngồi trong khi cần phải ngồi yên                                        |           |              |
| Chạy/leo trèo quá mức khi không cần thiết                                                   |           |              |
| Luôn gặp khó khăn khi chơi hoặc tham gia một cách yên tĩnh                                  |           |              |
| Thường “luôn tay luôn chân”/hành động như “được gắn động cơ”                                |           |              |
| Thường nói quá nhiều/gây ồn trong hoạt động cần sự im lặng                                  |           |              |
| Thường không kiên nhẫn, khó kiềm chế phản ứng, trả lời trước khi người khác hỏi hết câu hỏi |           |              |
| Khó chờ đến lượt mình                                                                       |           |              |



Tổ chức cho sinh viên quan sát biểu hiện của trẻ ở cơ sở GDMN trong hoạt động Thực hành sư phạm thường xuyên hoặc qua video sinh viên sưu tầm; giao nhiệm vụ cho sinh viên trò chuyện với GVMN, người chăm sóc trẻ (nếu có), điền thông tin vào bảng nhận diện trẻ có nhu cầu đặc biệt.

Tổ chức hoạt động thảo luận, phân tích hành vi, cảm xúc và sự phát triển của trẻ so với chuẩn mực lứa tuổi. Sinh viên báo cáo thông tin về trẻ đã thu thập được, cả lớp nhận xét, góp ý, trao đổi với người thuyết trình, GV chính xác hóa thông tin, đánh giá bài thuyết trình.

*\* Phát triển kỹ năng tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật*

Sinh viên kết hợp quan sát, phỏng vấn giáo viên mầm non, cha mẹ trẻ hoặc người chăm sóc, nhà chuyên môn... để điền thông tin về nhu cầu và khả năng của trẻ vào bảng tóm tắt [5].

*\* Phát triển kỹ năng kỹ năng lập kế hoạch giáo dục cá nhân*

Giảng viên giao nhiệm vụ cho sinh viên thảo luận, lựa chọn phương án lập kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với mức độ và loại tật của trẻ.

Tổ chức cho các nhóm sinh viên tiến hành lập kế hoạch giáo dục cá nhân dựa trên nhu cầu và khả năng của trẻ có nhu cầu đặc biệt theo quy trình:

Thứ nhất, xác định tình trạng ban đầu của trẻ, trình bày trong bảng “Tóm tắt khả năng và nhu cầu của trẻ khuyết tật”.

Thứ hai, đặt mục tiêu giáo dục gồm cả mục tiêu dài hạn (các mục tiêu năm) và mục tiêu ngắn hạn dựa trên việc xác định những kỹ năng cần thiết, kỹ năng hiện tại của trẻ, những ưu tiên và mối quan tâm của trẻ, kỹ năng quan trọng và cần thiết, những ưu tiên của cha mẹ trẻ, tính phù hợp của mục tiêu với độ tuổi của trẻ...

Thứ ba, lập kế hoạch giáo dục có đủ mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức các hoạt động để đạt mục tiêu đã đề ra.

Thứ tư, thực hiện một số kế hoạch hoạt động giáo dục hoà nhập đơn giản ngay tại lớp học ở Trường Đại học Hoa Lư, ví dụ tập cho trẻ kỹ năng tự phục vụ trong góc chơi với trang phục; tổ chức hoạt động luyện hơi, luyện lưỡi cho trẻ khiếm thính; tổ chức hoạt động rèn kỹ năng định hướng khi đi chuyển cho trẻ khiếm thị...

Thứ năm, đánh giá kết quả trên trẻ cũng như quá trình thực hiện hoạt động giáo dục trẻ của giáo viên làm cơ sở cho việc xác định các mục tiêu giáo dục ở giai đoạn tiếp theo.

Tổ chức cho sinh viên báo cáo kết quả lập kế hoạch, lớp nhận xét, góp ý; giảng viên chính xác hóa thông tin.

*\* Phát triển kỹ năng xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập*

Giảng viên giao nhiệm vụ cho sinh viên thảo luận, lựa chọn phương án xây dựng môi trường giáo dục phù hợp với mức độ và loại tật của trẻ trong lớp mẫu giáo hoà nhập.

Sinh viên nêu ý tưởng lập kế hoạch, thảo luận để lựa chọn phương án xây dựng môi trường phù hợp, tiến hành xây dựng môi trường giáo dục trẻ tại phòng Thực hành Nghiệp vụ mầm non, thuyết trình việc tổ chức thực hiện môi trường giáo dục đó trong một hoạt động giáo dục cụ thể.

Giảng viên tổ chức cho lớp quan sát, đánh giá việc xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục của từng nhóm sinh viên.

Ví dụ: Xây dựng mô phỏng môi trường giáo dục trong lớp mẫu giáo hoà nhập 5-6 tuổi có trẻ khiếm thị nhìn kém (1 sinh viên đóng) tham gia trò chơi phân loại quả:



- Về môi trường vật chất: Sàn nhà sạch và phẳng không có chướng ngại vật, trên sàn dán mũi tên bằng xốp màu đỏ, dày khoảng 2mm chỉ dẫn hướng đến các khu vực hoạt động: góc xây dựng, góc phân vai, phòng vệ sinh, phòng ngủ... Mở cửa đón tối đa ánh sáng tự nhiên, bật đèn trần ở nhiều vị trí để tránh bóng tối. Xếp ghế nhựa xung quanh 3 bàn tròn, lối đi giữa 3 bàn rộng thoáng để trẻ dễ di chuyển; trên bàn có 1 túi vải, bên trong có các loại quả đồ chơi bằng nhựa có màu sắc đặc trưng như na, táo, dưa, thanh long, xoài, chuối, hồng giòn, măng cụt, nho... và 3 cái rô màu đỏ, vàng, xanh lá cây.

- Về môi trường tâm lý: Sinh viên tập giảng sử dụng lời hướng dẫn rõ ràng, tôn trọng và thể hiện sự bình thường hoá tác nhân để trẻ khiếm thị và mọi trẻ cùng tự tin, nỗ lực tham gia hoạt động phân loại quả: “Mỗi nhóm có 1 bạn đại diện tham gia trò chơi. Khi cô nói tên hoặc đặc điểm của quả nào, chúng ta không nhìn quả bằng mắt mà nhìn bằng tay, sờ tay vào túi ki ki để chọn đúng quả đó bỏ vào rô. Rô màu đỏ đựng quả không có hạt, rô màu vàng đựng quả có 1 hạt, rô màu xanh lá cây đựng quả có nhiều hạt. Thời gian chơi của 1 lần chọn là 5 giây, khi chuông reo mà bạn nào không chọn đúng quả, bỏ nhầm rô thì mất lượt chơi. Bây giờ cô mời bạn A (khiếm thị) chơi thử. Bạn A lưu ý nhé, rô màu đỏ đựng quả không có hạt ở phía trái của con, rô màu vàng đựng quả có 1 hạt ở phía trước của con, rô màu xanh lá cây đựng quả có nhiều hạt ở phía phải của con, con nhớ bỏ quả vào đúng từng rô nhé”.

Khi trẻ chơi, sinh viên tập giảng động viên, khích lệ trẻ nhìn kém, hỏi trẻ cách thức lựa chọn mỗi loại quả, khen ngợi sự cố gắng của trẻ, không chỉ tập trung vào kết quả; hướng dẫn các bạn trong nhóm cách hỗ trợ trẻ nhìn kém một cách tự nhiên, thân thiện; quan sát xem trẻ nhìn kém có cảm thấy thoải mái, tham gia tự tin không, hỏi thăm và hỗ trợ khi trẻ nhìn kém lúng túng, gặp khó khăn....

*\* Phát triển kỹ năng lập kế hoạch giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt ở lớp mẫu giáo hòa nhập*

Giảng viên giao nhiệm vụ cho các nhóm sinh viên lập kế hoạch và tổ chức một số hoạt động giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt ở lớp mẫu giáo hòa nhập phù hợp với dạng tật. Các nhóm sinh viên thực hành lập kế hoạch, chuẩn bị môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo kế hoạch đã chuẩn bị. Giảng viên và các sinh viên còn lại dự giờ, ghi chép thông tin việc thực hành tập giảng. Giảng viên tổ chức cho sinh viên nhận xét, đánh giá việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt ở lớp mẫu giáo hòa nhập của từng nhóm sinh viên.

Ví dụ Kế hoạch tổ chức giờ học làm quen với chữ cái *u, ư* cho trẻ 5-6 tuổi ở lớp mẫu giáo hoà nhập có trẻ khiếm thính. Cùng với trình tự lập kế hoạch thông thường, sinh viên xác định được kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt với trẻ khiếm thính học hoà nhập như: Trẻ khiếm thính nhận diện được hình dạng chữ cái thông qua hình ảnh trực quan và chữ cái ngón tay *u, ư*; Lớp học thân thiện, trẻ khiếm thính tích cực tham gia hoạt động học tập cùng các bạn; lớp hoà đồng cùng trẻ khiếm thính, cùng làm quen với chữ cái ngón tay.

Sinh viên dự kiến được việc chuẩn bị giờ học có trẻ khiếm thính, ví dụ: Sắp xếp chỗ ngồi cho trẻ khiếm thính ngồi giữa đối diện cô; sử dụng chữ cái ngón tay: *u* (ngón trỏ và ngón giữa giơ thẳng lên trên, ngón cái giữ các ngón khác nắm lại), chữ *ư* (ngón trỏ và ngón giữa giơ thẳng lên trên, ngón cái giữ các ngón khác nắm lại, sau đó giơ thẳng ngón út và vẽ nét móc).

Tiến hành hoạt động làm quen chữ cái, giáo viên khuyến khích trẻ khiếm thính tìm chữ cái đã biết, phát âm và thể hiện chữ cái ngón tay. Cô vừa phát âm tên chữ *u*, vừa giơ tay tạo chữ cái *u* cho trẻ khiếm thính nhìn, đọc và thực hiện tạo chữ *u*. Cho trẻ sờ 1 tay vào cổ cô, 1 tay sờ cổ trẻ, mắt trẻ nhìn miệng cô để bắt chước khẩu hình, cố gắng phát âm chữ *u*. Khuyến khích cả lớp vừa đọc chữ *u* vừa tạo chữ cái ngón tay *u*, khuyến khích trẻ khiếm thính cố gắng nói và tạo chữ cái ngón tay *u*. Kết thúc hoạt động, giáo viên nhận xét, khen ngợi sự cố gắng của từng trẻ, đặc biệt là trẻ khiếm thính.





*\* Phát triển kỹ năng giao tiếp với trẻ có nhu cầu đặc biệt*

- Giảng viên tổ chức cho sinh viên tạo nhóm học tập, giao nhiệm vụ thảo luận nhóm về vấn đề giao tiếp với trẻ có nhu cầu đặc biệt. Ví dụ:

+ Thảo luận về đặc điểm giao tiếp của trẻ Down; đề xuất chiến lược giao tiếp phù hợp với trẻ Down; xác định vai trò của môi trường vật chất và tâm lý trong việc hỗ trợ giao tiếp, lập kế hoạch tổ chức một hoạt động giao tiếp với trẻ Down.

+ Thảo luận về đặc điểm giao tiếp của trẻ tăng động; đề xuất chiến lược giao tiếp phù hợp với trẻ tăng động; xác định vai trò của môi trường vật chất và tâm lý trong việc hỗ trợ giao tiếp, lập kế hoạch tổ chức một hoạt động giao tiếp với trẻ tăng động.

+ Thảo luận về đặc điểm giao tiếp của trẻ giảm chú ý; đề xuất chiến lược giao tiếp phù hợp với trẻ giảm chú ý; xác định vai trò của môi trường vật chất và tâm lý trong việc hỗ trợ giao tiếp, lập kế hoạch tổ chức một hoạt động giao tiếp với trẻ giảm chú ý.

+ Thảo luận về đặc điểm giao tiếp của trẻ tự kỷ; đề xuất chiến lược giao tiếp phù hợp với trẻ tự kỷ; xác định vai trò của môi trường vật chất và tâm lý trong việc hỗ trợ giao tiếp, lập kế hoạch tổ chức một hoạt động giao tiếp với trẻ tự kỷ...

- Tổ chức cho sinh viên thực hành xử lý tình huống giao tiếp.

Sinh viên đóng vai giáo viên và trẻ có nhu cầu đặc biệt để thực hành các tình huống giao tiếp. Các nhóm sinh viên lần lượt tổ chức xử lý tình huống; cả lớp theo dõi, ghi chép giờ dự, xác định nội dung cần trao đổi, nhận xét.

Khi mỗi nhóm sinh viên thực hiện xong hoạt động xử lý tình huống giao tiếp với trẻ có nhu cầu đặc biệt, cả lớp lần lượt nhận xét, góp ý trao đổi với sinh viên tập dạy. Người tập dạy đối thoại với các bạn về nội dung cần trao đổi, nhận xét về những thách thức gặp phải khi thực hành giao tiếp, cách giải quyết, và bài học kinh nghiệm.

- Giảng viên đánh giá sự tiến bộ về kỹ năng, thái độ, và khả năng ứng dụng thực tế của sinh viên; chính xác hóa thông tin, đánh giá bài thực hành, khuyến khích sinh viên nêu các ý tưởng mới khi tổ chức giờ hoạt động theo đề tài đó.

Ví dụ: Sinh viên thực hiện bài tập dạy trẻ tự kỷ biết nói lời chào khi đến lớp.



Bước 1: Chuẩn bị môi trường giao tiếp: Cho trẻ ngồi trong phòng yên tĩnh, tránh tiếng ồn gây phân tâm. Giáo viên sử dụng tranh minh họa về "lời chào": bạn nhỏ vẫy tay, nét mặt cười.

Bước 2: Thực hiện giao tiếp, giáo viên cúi xuống ngang tầm mắt trẻ, giữ ánh mắt âu yếm nhẹ nhàng để thu hút sự chú ý của trẻ, giơ tay vẫy chào trẻ và nói: "Chào buổi sáng!" Nếu trẻ không phản hồi, giáo viên tiếp tục vẫy tay và chờ đợi. Nếu trẻ không hiểu, giáo viên chỉ vào tranh "Chào buổi sáng" để gợi ý.

Bước 3: Quan sát biểu hiện của trẻ, khi trẻ thực hiện được (dù chỉ là hành động vẫy tay hoặc âm thanh nhỏ), giáo viên mỉm cười, khen: "Con làm rất tốt! Cô rất vui vì con đã chào cô!" Nếu trẻ không đáp lại, giáo viên không ép buộc mà kiên nhẫn lặp lại vào ngày khác.

Bước 4: Nếu trẻ không thoải mái, giáo viên điều chỉnh tốc độ, ngữ điệu hoặc cách tiếp cận. Có thể thay hình ảnh bé chào bằng video bé chào, giúp trẻ nhìn thấy rõ cả cử chỉ và nghe được âm thanh bé chào buổi sáng.



*\* Phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của trẻ khiếm thính, khiếm thị*

Ngoài việc sử dụng ngôn ngữ thông thường, ngay từ khi bắt đầu dạy học học phần Giáo dục hoà nhập, giảng viên giới thiệu với sinh viên về ngôn ngữ ký hiệu của người khiếm thính và cho sinh viên rèn kỹ năng sử dụng ngôn ngữ ký hiệu. Khởi đầu mỗi buổi học, giảng viên cho sinh viên thực hiện giới thiệu chữ cái ngón tay theo 12 nhóm chữ cái thường dạy cho trẻ 5-6 tuổi; trước khi kết thúc giờ học, giảng viên mời sinh viên đứng đối diện với cả lớp, giới thiệu tên mình bằng chữ cái ngón tay, giảng viên và các thành viên khác trong lớp cùng đọc từng chữ cái trong tên của sinh viên đó. Khi học đến chương 3, giảng viên giao cho các nhóm sinh viên tự nghiên cứu và thực hiện trình bày ngôn ngữ ký hiệu theo các chủ đề giáo dục. Ví dụ: Gia đình, Cơ thể và sức khoẻ, Ăn uống, Đồ dùng học tập... Định hướng cho sinh viên vận dụng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ ký hiệu vào việc giao tiếp, giáo dục trẻ khiếm thính.

Tương tự như vậy, giảng viên cho sinh viên làm quen biểu tượng chữ nổi Braille và viết tên mình, viết các chữ cái, chữ số bằng chữ Braille.

**2.5.2.3. Đánh giá kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non**

Việc đánh giá kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành GDMN được thực hiện xuyên suốt trong quá trình dạy học học phần Giáo dục hoà nhập, trong đó:

- Đánh giá ý thức học tập (A1): Giảng viên đánh giá không chỉ biểu hiện về ý thức, thái độ học tập của sinh viên mà còn đánh giá các kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt qua hoạt động thực hành, thảo luận của sinh viên theo hệ thống bài tập. Giảng viên sử dụng rubric đánh giá ý thức học tập và lưu hồ sơ cá nhân.

- Đánh giá giữa học phần (A2) và đánh giá kết thúc học phần (A3): Bài đánh giá được thiết kế với hình thức tự luận, có đề bài, đáp án cụ thể. Sinh viên được đánh giá khả năng diễn giải được những vấn đề cơ bản giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường mầm non, vận dụng kiến thức giáo dục hòa nhập để chỉ ra và giải thích được việc hỗ trợ trẻ khuyết tật trong trường mầm non. Trong các bài kiểm tra này, giảng viên đánh giá kỹ năng lập kế hoạch sử dụng ngôn ngữ ký hiệu, chữ nổi Braille; thiết kế hoạt động luyện hơi, luyện lưỡi cho trẻ khiếm thính; thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng định hướng không gian cho trẻ khiếm thị; thiết kế trò chơi phát triển vận động tinh, vận động thô... để hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt của sinh viên.

Công thức tính điểm đánh giá học phần:

$$\text{Điểm học phần} = \frac{2A1 + 3A2 + 5A3}{10}$$

**2.6. Vai trò và ý nghĩa của việc phát triển một số kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non**

Việc phát triển một số kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành GDMN đóng vai trò thiết yếu trong bối cảnh giáo dục hiện đại, đặc biệt là trong xu thế thúc đẩy giáo dục hòa nhập đòi hỏi giáo viên phải có khả năng nhận diện, đánh giá, lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp. Việc trang bị những kỹ năng này không chỉ giúp sinh viên nâng cao năng lực chuyên môn mà còn hình thành thái độ nhân văn, sự đồng cảm và trách nhiệm nghề nghiệp. Khi được đào tạo bài bản về kỹ năng giáo dục trẻ khuyết tật, sinh viên sẽ tự tin hơn khi tiếp cận thực tiễn, có khả năng hỗ trợ trẻ phát triển tiềm năng, đồng thời tạo ra môi trường học tập công bằng, tôn trọng sự khác biệt để nâng cao chất lượng chăm sóc – giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non hoà nhập. Mặt khác, việc giáo dục sinh viên kỹ năng hỗ trợ trẻ có hoàn



cảnh đặc biệt còn góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng, thúc đẩy sự tham gia và phối hợp giữa gia đình – nhà trường – xã hội trong chăm sóc và giáo dục trẻ, hướng tới một xã hội công bằng và phát triển bền vững.

### 3. Kết luận

Bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển các kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành GDMN trong bối cảnh số lượng trẻ học hòa nhập ngày càng tăng. Dựa trên học phần “Giáo dục hòa nhập” tại Trường Đại học Hoa Lư, bài viết trình bày chi tiết các nhóm kỹ năng thiết yếu gồm: nhận diện trẻ có nhu cầu đặc biệt; tìm hiểu nhu cầu, khả năng của trẻ; lập kế hoạch giáo dục cá nhân và trong lớp hòa nhập; xây dựng môi trường giáo dục phù hợp; giao tiếp hiệu quả với trẻ và sử dụng ngôn ngữ cho trẻ khiếm thính, khiếm thị. Việc tổ chức dạy học tích hợp lý thuyết – thực hành đã giúp sinh viên bước đầu hình thành kỹ năng nghề nghiệp. Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều khó khăn như thời lượng học phần còn hạn chế, thiếu giảng viên chuyên sâu, cơ sở vật chất chưa đồng bộ... Do đó, cần bổ sung chính sách đầu tư phát triển đội ngũ, tăng cường thực hành sư phạm, điều chỉnh chương trình đào tạo để đảm bảo giáo viên mầm non tương lai đủ năng lực hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt một cách toàn diện và hiệu quả.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] UNESCO (1994), *The Salamanca Statement and Framework for Action on Special Needs Education*. Paris: UNESCO.
- [2] Individuals with Disabilities Education Act (2004), *Individuals with Disabilities Education Act (IDEA)*. U.S. Department of Education. Retrieved from <https://sites.ed.gov/idea/>
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên mầm non: Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
- [4] UNESCO. (1996). *Learning: The Treasure Within. Report to UNESCO of the International Commission on Education for the Twenty-first Century* (Jacques Delors, Ed.). UNESCO Publishing.
- [5] Nguyễn Ánh Tuyết. (2008). *Giáo dục học mầm non*. Nxb Đại học Sư phạm.
- [6] Nguyễn Đức Quang (2014). *Kỹ năng sư phạm trong dạy học và giáo dục học sinh*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
- [7] Lưu Thị Mỹ Hà (2017), *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội
- [8] Lê Thị Bắc Lý (chủ biên) – Bùi Thị Lâm – Hoàng Thị Nho (2016), *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non*, Nxb ĐHSP.
- [9] Trường Đại học Hoa Lư, *Đề cương chi tiết Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non*, Ban hành theo Quyết định số 271/QĐ-ĐHHL, ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư, Ninh Bình.
- [10] Nguyễn Hoàng Tú & Trần Minh Lan (2020), Phân tích đặc điểm sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 51(4), 22–28.
- [11] Phạm Thị Nga (2021), Động lực học tập và nghề nghiệp của sinh viên ngành Sư phạm mầm non, *Nghiên cứu Khoa học Giáo dục Việt Nam*, số 7(2), tr.55–61.
- [12] UNICEF (2022), Báo cáo giáo dục mầm non tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách, UNICEF Việt Nam.
- [13] Nguyễn Phương Hòa & Phan Thị Thu (2023), Khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn trong đào tạo giáo viên mầm non, *Tạp chí Giáo dục* số 548, tr.40–45.



- [14] European Agency for Special Needs and Inclusive Education (2012), *"Teacher Education for Inclusion: Profile of Inclusive Teachers"* Odense, Denmark.
- [15] Shulman, L. S. (1987). Knowledge and Teaching: Foundations of the New Reform. *Harvard Educational Review*, 57(1), 1–22.
- [16] Grossman, P., Hammerness, K., & McDonald, M. (2009). Redefining Teaching, Re-imagining Teacher Education. *Teachers and Teaching: Theory and Practice*, 15(2), 273–289.
- [17] Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in Society: The Development of Higher Psychological Processes*. Harvard University Press.
- [18] Florian, L., & Black-Hawkins, K. (2011). Exploring Inclusive Pedagogy. *British Educational Research Journal*, 37(5), 813–828.
- [19] Forlin, C., & Sin, K. F. (2017), Developing Inclusive Education Teachers: How Can We Meet the Demands? *European Journal of Special Needs Education*, 32(3), 1–15.



# HOA LU UNIVERSITY JOURNAL OF SCIENCE

## INDEX

|    |                                                                                                                                                                         |     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 1  | Dong Thanh Tu - <i>Discussion on the "Degree" of adjectives in Chinese and their reduplication mechanism</i>                                                            | 5   |
| 2  | Vu Thi Dieu Thuy - <i>Developing some skills in educating children with special needs for students of early childhood education</i>                                     | 14  |
| 3  | Dinh Thi Hoa, Le Hong Phuong, Dinh Thanh Cong - <i>Measures to improve the efficiency of physical training and sports of high school students in Ninh Binh province</i> | 27  |
| 4  | Luong Thi Tu, Pham Thi Hong Tam, Dam Thu Van - <i>Diplomatic activities of Dai Co Viet State under Emperor Le Hoan (980 - 1005)</i>                                     | 39  |
| 5  | Phan Tan Duoc, Nguyen Thi Thanh Nhi - <i>Solutions to promote the role of Vinh Long province in connecting tourism development in the Mekong delta</i>                  | 47  |
| 6  | Mai Anh Tuan - <i>Cultural anthropology in Vietnamese literary studies: Achievements and opportunities</i>                                                              | 61  |
| 7  | Nguyen Manh Quynh (translate) - <i>Structuralism and Literary Criticism, Gérard Genette</i>                                                                             | 71  |
| 8  | Nguyen Thi Hue - <i>Cultural person Truong Han Sieu in life National culture</i>                                                                                        | 85  |
| 9  | Nguyen Thi Hue - <i>The sympathy between the thoughts of great meditation Vo Nguyen Giap and the category of "humanity" in confucianism</i>                             | 94  |
| 10 | Hoang Thi Thu Hang - <i>Truong Han Sieu's heritage in tourism development in Ninh Binh</i>                                                                              | 102 |
| 11 | Vu Thi Loan - <i>The consultative work on building internal management documents at Hoa Lu University – reality and solutions</i>                                       | 110 |
| 12 | Phan Thi Hong Duyen, Pham Van Cuong - <i>Ensuring human security in the context of climate change and recommending some solutions in Vietnam nowadays</i>               | 117 |
| 13 | Nguyen Tat Thang - <i>Optimizing network performance with NIC TEAMING in WINDOWS SERVER on VMWARE environment</i>                                                       | 126 |



## THẺ LỆ VIẾT VÀ GỬI BÀI TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

1. Bài nhận đăng là công trình nghiên cứu khoa học, các ý kiến trao đổi về học thuật, quản lý giáo dục, các bài tổng quan giới thiệu thành tựu khoa học mới của các nhà khoa học trong và ngoài trường. Tạp chí không nhận đăng bài đã công bố trên ấn phẩm khác.

2. Bài báo khoa học được viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, soạn thảo trên Word, hoặc trên Latex, font Times New Roman (Unicode); cỡ chữ 12; khổ giấy A4; lề trên: 2,0 cm, lề dưới: 2,0 cm, lề trái: 2,0 cm, lề phải: 2,0 cm; giãn dòng; single. Mật độ chữ bình thường, không nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ.

3. Bố cục bản thảo bài báo khoa học gửi đăng phải được trình bày theo bố cục sau: Tên bài báo (*phản ánh nội dung chính của bài viết*); Tóm tắt bài viết (*không vượt quá 250 từ thể hiện ý tưởng và nội dung tóm tắt của bài báo*); Từ khóa (*những từ được cho là quan trọng đối với nội dung nghiên cứu đặc trưng cho chủ đề của bài viết đó*); Giới thiệu (*Tóm tắt tình hình nghiên cứu trong nước và thế giới, tính thời sự của vấn đề nghiên cứu*); Nội dung và phương pháp nghiên cứu (*trình bày nội dung nghiên cứu, các phương pháp tiếp cận, kết quả đạt được, giải pháp và kiến nghị đề xuất, mối liên hệ giữa kết quả nghiên cứu của tác giả với các kết quả trước đó*); Kết luận (*khẳng định những kết quả nghiên cứu đạt được*); Tài liệu tham khảo (*Liệt kê tất cả tài liệu đã được tác giả trích dẫn trong bài báo*).

4. Tất cả các bài gửi đăng tạp chí khi được chấp nhận sau sơ duyệt đều được Ban biên tập gửi phản biện nhận xét, đánh giá. Ban biên tập trả lời tác giả về kết quả nhận xét, đánh giá của phản biện và thẩm định đối với bài báo. Bài đạt yêu cầu sẽ được đăng trong số gần nhất của tạp chí.

5. Ban biên tập nhận 01 bản in gửi kèm đĩa hoặc tập tin đính kèm trong Email.

Địa chỉ liên hệ và gửi bài: Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học, Trường Đại học Hoa Lư, Trường Đại học Hoa Lư, đường Xuân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 02293 892 240; 0984 148 845.

Email: [tapchikhoahoc@hluv.edu.vn](mailto:tapchikhoahoc@hluv.edu.vn)





Giấy phép hoạt động báo chí số 07/GP-BTTTT ngày 07/01/2023

**ISSN 2615 – 9538**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

Địa chỉ: Đường Xuân Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Tel: 02293 892 240 | Fax: 02293 892 241

Website: <http://hluv.edu.vn>